

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 27 - 7 -2020

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen;

2. Ông Lê Việt Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
không tham gia

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T sinh năm 1972; trú tại: Thôn1, xã Tân, huyện H Tân, tỉnh B (Xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Võ H (Vỏ H), sinh năm 1971; trú tại: ấp An, xã Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/ 5/ 2020 của nguyên đơn chị Lê Thị T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Vào năm 2006, chị T và anh H quen biết rồi tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Tân, huyện H Tân, tỉnh B. Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau. Từ đó hai vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Chị T

yêu cầu được ly hôn với anh Võ H. Chị T xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm.

* *Về con chung*: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* *Tài sản chung*: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 08/7/2020, bị đơn anh Võ H (Võ H) trình bày như sau: Anh H thống nhất ý kiến của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh H đồng ý ly hôn với chị T. Anh H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và cho anh H vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Võ H xác nhận tên anh là Võ H chứ không phải là Võ H như trong đăng ký kết hôn. Việc anh H và chị T có đăng ký kết hôn là đúng nên xác định Võ H và Võ H là một người.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, chị T và anh H cưới nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân, huyện H Tân, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 77 ngày 22/11/2006. Sau khi cưới hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau nên hiện nay không còn sống chung với nhau hơn 10 năm nay. Chị T yêu cầu ly hôn và anh H thống nhất ly hôn. Do anh H yêu cầu Tòa án không tiến hành phiên hòa giải vì làm ăn xa. Xét mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp Điều 56 luật Hôn nhân & gia đình.

[3] Về con chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về tài sản chung: các bên khai không có nên không xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005819 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Võ H (Võ H).
2. Về con chung: không có nên không giải quyết.
3. Về tài sản chung: không có nên không đặt ra để giải quyết.
4. Về nợ chung: không có do đó không đặt ra để giải quyết.
5. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005819 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đs;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tấn Phong